TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2025/DS-ST
Ngày: 27-5-2025
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Thanh Phong
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm văn nam
2. Bà Mai Thị Nhặc

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Sương – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 89/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2025/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2025 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1950. Nơi cư trú: Ấp A, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Ấp A, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà bà Nguyễn Ngọc N *trình bày:*

Bà N cho bà H vay tiền hai lần, cụ thể:

Ngày 24/12/2011 âm lịch bà N cho bà H vay số tiền 5.000.000 đồng.

Ngày 23/12/2011 âm lịch bà N cho bà H vay số tiền 12.000.000 đồng.

Cả hai lần vay tiền nêu trên hai bên đều thoả thuận không tính lãi, khi nào bà N cần tiền thì thông báo cho bà H biết trước 01 tháng thì bà H sẽ trả tiền vay cho bà N. Nội dung thoả thuận giữa hai bên không lập thành hợp đồng nhưng cả hai lần vay bà H đều có viết giấy tay thừa nhận nợ là tờ giấy kẻ tập học sinh kẻ ô vuông mà bà N đã nộp cho Toà án. Đối với khoản vay ngày 23/12/2011 âm lịch thì khi bà H viết giấy nợ, bà H để trống tên người cho mượn và số tiền mượn, bà N tự viết nội dung bỏ trống này vào giấy cho mượn.

Sau khi vay thì bà N đã nhiều lần yêu cầu bà H trả tiền nợ vay nhưng bà H không trả nên bà N khởi kiện yêu cầu bà H có nghĩa vụ trả cho N số tiền nợ vay gốc tổng cộng là 17.000.000 đồng , đối với phần lãi suất từ ngày tháng 3/2022 đến ngày Toà án đưa vụ án ra xét xử với mức lãi suất là 1,125%/tháng. Tại phiên toà, bà N xin rút lại yêu cầu.

Tại bản khai, biên khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà bị đơn Nguyễn Thị H *trình bày:*

Ngày 24/12/2011 âm lịch bà H có vay của bà N số tiền gốc là 5.000.000 đồng, lãi suất là 150.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng, do lúc này bà H đang chơi hụi do bà N làm đầu thảo nên hai bên thoả thuận khi nào bà H hốt hụi do bà N làm đầu thảo thì sẽ trả tiền vay cho bà N. Sau khi vay khoảng 02 tháng thì bà H hốt hụi, khi giao tiền hụi thì bà N đã trừ tiền vay 5.000.000 đồng và tiền lãi phải đóng vào tiền hốt hụi nên bà H xác định đã trả xong tiền nợ vay gốc 5.000.000 đồng và tiền lãi cho bà N.

Bà H không có vay số tiền 12.000.000 đồng như bà N trình bày. Khi vay số tiền 5.000.000 đồng ngày 24/12/2011 âm lịch nêu trên thì bà N yêu cầu bà H viết giấy nợ nên bà H có viết nội dung " Tôi đứng tên dưới đây là Nguyễn Thị H có hỏi chị ngày 23-012-211 với số tiền là và sẽ trả vào ngày 20-01-2012 Âm lịch Người vay là Nguyễn Thị Hồng H", khi viết thì bà H để trống tên người cho mượn và số tiền mượn, do khi viết xong đọc lại thấy viết sai ngày vay nên hai bên thống nhất bỏ tờ giấy này và viết lại qua mặt giấy khác là tờ giấy nợ ngày 24/12/2011 âm lịch. Sau này bà N không huỷ bỏ mà tự viết thêm số tiền vay là "12.000.000 đồng" và tên người cho mượn "Nguyễn Ngọc N" và nội dung "12.000.000 (mười hai triệu đồng chẵn. Bà H không đồng ý đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N, số tiền vay 5.000.000 đồng vào ngày 24/12/2011 bà H đã trả xong, đối vối số tiền 12.000.00 đồng thì bà H xác định không có vay nên không đồng ý trả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm cho rằng: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

- Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của bà N về việc yêu cầu bà H trả lãi trên số nợ vay gốc 17.000.000 đồng từ ngày tháng 3/2022 đến ngày Toà án đưa vụ án ra xét xử với mức lãi suất là 1,125%/tháng.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà N về việc yêu cầu bà H có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền nợ vay gốc là 12.000.000 đồng.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà N. Buộc bà H có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền nợ vay gốc là 5.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quyền khởi kiện: Nguyên đơn cho rằng quyền lợi của nguyên đơn bị xâm phạm nên khởi kiện. Căn cứ khoản 2 điều 68, điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự thì nguyên đơn có quyền khởi kiện.

[1.2] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Ngọc N thì xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Về thẩm quyền của Toà án giải quyết vụ án: Bị đơn Nguyễn Thị H có địa chỉ nơi cư trú tại xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Đối với phần lãi suất 1,125%/tháng trên số nợ vay gốc 17.000.000 đồng từ ngày tháng 3/2022 đến ngày Toà án đưa vụ án ra xét xử, nguyên đơn xin rút lại yêu cầu, nên đình chỉ xét xử.

[2.2] Xét yêu cầu trả tiền nợ vay của nguyên đơn đối với khoản vay 5.000.000 đồng ngày 24/12/2011 âm lịch: Tại phiên toà các bên trình bày thống nhất phía bà H có vay bà N số tiền trên, phía bà H cho rằng đã trả xong nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, bà N không thừa nhận có trả, nên buộc bà H có nghĩa vụ trả cho bà N là phù hợp.

[2.3] Xét yêu cầu trả tiền nợ vay của nguyên đơn đối với khoản vay 12.000.000 đồng ngày 23/12/20211 âm lịch: Tại phiên toà các bên đều trình bày thống nhất tờ giấy tập học sinh (bút lục số 21a) ngoài chữ viết họ tên Nguyễn Ngọc N, số tiền 12.000.000, chữ viết mười hai triệu đồng lúc đầu bỏ trống, sau này bà N tự viết vào" thì các chữ

viết còn lại do bà H tự viết. Nội dung của tờ giấy tập học sinh do bà H tự viết (bà H cho rằng viết sai nên huỷ bỏ) có khiếm khuyết các nội dung mà bà N tự viết sau bổ sung vào nêu trên chưa thoả mãn bất kỳ một giao dịch dân sự nào, nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ trong việc thực hiện giao dịch dân sự giữa các bên, việc bà N tự ý điền vào sau không được bà H đồng ý, nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, nên yêu cầu của bà N không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền vay 12.000.000 đồng không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá là 600.000 đồng nhưng nguyên đơn là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn toà bộ án phí theo quy định.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền vay 5.000.000 đồng được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 5, 147, 217, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự2015; Căn cứ: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc N, cụ thể:

1. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc Nữ N về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả lãi trên số nợ vay gốc 17.000.000 đồng tính từ tháng 3/2022 đến ngày Toà án đưa vụ án ra xét xử với mức lãi suất là 1,125%/tháng.

2. Buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Ngọc N số tiền nợ vay gốc là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc N về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Ngọc N số tiền nợ vay gốc là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

- Bà Nguyễn Ngọc N được miễn toàn bộ án phí.

- Bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự (2b) ;
- TAND tỉnh Bến Tre (1b) ;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Lưu HS, VP (3b) TC:8b .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thanh Phong